

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2022/HSST
Ngày 13/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hữu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Huy Bân và ông Kiều Văn Dậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên phong tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân huyện Yên phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 144/2022/TLST-HS ngày 10/11/2022 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2022/QĐXXST-HS ngày 30/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Vi Văn Q, Sinh năm 1998; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

- Nơi cư trú: Khu 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông (chưa rõ) con bà Vi Thị K, sinh năm 1983; Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2022 đến nay. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Quang Đ - Sinh năm 2000; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

- Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Quang T, Sinh năm 1980; con bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1980; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Bản án số 28/2018/HSST ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Nguyễn Quang Đ 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, hiện bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2022 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Q và Đ: Ông Nguyễn Văn Toàn - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Sao Sáng - Chi nhánh Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1993; HKTT: Khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vì Văn Q, sinh năm 1998, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa, hiện đang thuê trọ tại thôn Ấp Đ, xã Y, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Phòng trọ của Q cạnh phòng trọ với chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên Q quen biết chị T và bạn trai ở cùng phòng với chị T là anh Lương Nam A, sinh năm 1997, quê ở Nghệ An. Q thường gọi anh Nam A là N. Quá trình thuê trọ, Q có cho anh Nam A vay số tiền 7.000.000 đồng nhưng đã đòi nhiều lần mà anh Nam A không trả. Do thời gian gần đây không thấy anh Nam A ở cùng phòng với chị T nên Q nghĩ rằng anh Nam A đã đi trốn nợ. Vì vậy, Q nói cho Nguyễn Quang Đ, sinh năm 2000, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, hiện đang thuê trọ tại thôn Y, xã Y, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (là bạn của Q) biết việc anh Nam A nợ tiền. Đồng thời, Q rủ Đ tới ngày 22/6/2022 đến phòng của Q để cùng sang phòng anh Nam A đòi tiền.

Đến khoảng 19 giờ ngày 22/6/2022, Đ đi đến phòng trọ của Q. Tại đây, Q và Đ bàn nhau sẽ cùng sang phòng chị T, nếu anh Nam A không có ở phòng thì sẽ lấy điện thoại của chị T để làm tin, khi nào anh Nam A về trả tiền thì sẽ trả điện thoại lại cho chị T. Khoảng 20 giờ cùng ngày, khi thấy chị T đi làm về thì Q bảo Đ đi sang phòng trọ của chị T. Đ vào phòng chị T và hỏi mượn điện thoại chị T nhưng chị T không đồng ý, thấy tay phải của chị T đang cầm điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen có ốp bằng nhựa màu trắng đục nên Đ dùng tay giằng lấy điện thoại nhưng chị T giữ lại nên Đ không lấy được điện thoại. Chị T yêu cầu Đ đi về nhưng đứng chặn ở cửa phòng và gọi Q sang. Sau đó, Q và Đ cùng đi vào trong phòng của chị T. Q nói: *“Thằng N vay tiền của tao giờ không trả”*. Chị T không trả lời, Q tiếp tục nói: *“bây giờ anh giữ điện thoại của em, bao giờ N trả tiền cho anh thì anh trả điện thoại”*, chị T nói: *“Không”*. Ngay lập tức Q và Đ lao về phía chị T dùng tay giật chiếc điện thoại chị T đang cầm trên tay, chị T giằng

lại và hét lên: “*Thả ra*”, đồng thời chị T cầm một con dao lưỡi màu đen, cán nhựa, dài khoảng 20cm giơ lên để dọa Q, Đ. Thấy chị T hét lên và cầm dao thì Q dùng tay phải tát một cái vào mặt chị T, khiến chị T sợ hãi và làm chiếc điện thoại đang cầm trên tay rơi xuống nền nhà. Đ đi đến nhặt chiếc điện thoại rồi đưa cho Q cầm và cả hai cùng đi ra khỏi phòng chị T.

Sau khi lấy chiếc điện thoại của chị T thì Q và Đ đi xuống tầng 1 của dãy trọ, chị T có chạy theo đòi lại điện thoại thì Q tháo chiếc SIM đang lắp trong máy của chị T ra trả cho chị và nói: “bao giờ thằng N trả tiền cho tao thì tao trả điện thoại”.

Ngày 25/6/2022, chị T đến Công an xã Y, huyện Yên Phong để trình báo sự việc bị Q, Đ dùng vũ lực đánh, sau đó lấy chiếc điện thoại của mình.

Ngày 25/6/2022, nhận thấy hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, Vi Văn Q và Nguyễn Quang Đ đã đến Công an huyện Yên Phong đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu đen, có ốp bằng nhựa bên ngoài màu trắng đục là điện thoại Q và Đ đã chiếm đoạt của chị T. Đồng thời Q giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, số IMEI1 867017155431940, số IMEI2 867017055671941 là điện thoại Q sử dụng; Đ giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, số IMEI1 861570034787796, số IMEI2 861570034787788 là điện thoại Đ sử dụng.

Ngày 30/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Phong ra Yêu cầu định giá tài sản số 58/YC-ĐCSHS gửi Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Phong định giá giá trị của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu đen, có ốp bằng nhựa bên ngoài màu trắng đục, điện thoại có số Imei1: 864415050457253, Imei2: 864415050457246 đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 59 ngày 11/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Yên Phong kết luận:

“01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu đen, Imei1: 864415050457253, Imei2: 864415050457246, có ốp bằng nhựa bên ngoài màu trắng đục(điện thoại đã qua sử dụng) tại thời điểm tháng 6/2022 trị giá 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)”.

* Về xử lý vật chứng: đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu đen, có ốp bằng nhựa bên ngoài màu trắng đục, điện thoại có số Imei1: 864415050457253, Imei2: 864415050457246 của chị T, Cơ quan CSĐT công an huyện Yên Phong đã trả lại chị T. Chị T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự và đề nghị xử lý Q, Đ theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên phong cũng như tại phiên tòa hôm nay hai bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong đã truy tố bị cáo về tội “Cướp tài sản” là đúng người đúng tội.

Với nội dung trên, bản cáo trạng số 143/CT-VKSYP ngày 09/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong đã quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Yên Phong để xét xử bị cáo Vi Văn Q và Nguyễn Quang Đ về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị hại trình bày: Chị đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì, về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vi Văn Q và Nguyễn Quang Đ phạm tội “Cướp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17. 38. 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Văn Q và Nguyễn Quang Đ mỗi bị cáo từ 42 tháng đến 44 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/6/2022; Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho hai bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại hai điện thoại cho hai bị cáo (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/11/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Phong và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong).

Cũng tại phiên tòa người bào chữa cho hai bị cáo trình bày bản luận cứ, đồng ý với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong đã truy tố bị cáo Q và Đ ra Tòa án để xét xử về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân bị cáo Q, bị cáo Q là người dân tộc Thái gia đình thuộc diện hộ nghèo, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất và cho bị cáo Q được hưởng án treo; Người bào chữa cho bị cáo Đ nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ về hình phạt, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo Đ mức án thấp nhất là 36 tháng tù giam và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận với luật sư: Việc hai bị cáo bị truy tố về tội phạm có khung hình phạt là rất nghiêm trọng, bị cáo Q là người có vai trò chủ mưu khởi xướng, còn bị cáo Đ có nhân thân xấu căn cứ theo quy định pháp luật nên đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên đề nghị về hình phạt đối với hai bị cáo.

Tại phiên tòa, 2 bị cáo nhất trí với ý kiến người bào chữa, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên phong về tội danh, điều luật áp

dụng, mức hình phạt mà khi được nói lời sau cùng chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên phong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên phong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Q và Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, bị hại, đơn trình báo, biên bản tiếp nhận người phạm tội đầu thú biên bản xác định nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, phù hợp với thời gian, địa điểm, tang vật thu giữ tại hiện trường: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 22/6/2022, vào tại phòng trọ của chị Nguyễn Thị Phương T ở thôn Ấp Đ, xã Y, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Vi Văn Q và Nguyễn Quang Đ đã có hành vi dùng tay để giằng, tát vào mặt chị T khiến chị T sợ hãi để chiếm đoạt chiếc điện thoại di động Vivo màu đen, trị giá 2.500.000 đồng của chị T.

[3] Phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã cùng lúc xâm phạm 02 khách thể được Luật hình sự bảo vệ là quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe và quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân. Ngoài ra, hành vi của 2 bị cáo còn xâm phạm đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng, bức xúc trong quần chúng nhân dân.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, thể hiện sự liều lĩnh và coi thường pháp luật. Do đó, để ngăn chặn, đẩy lùi hành vi nguy hiểm này, cần phải xử lý đối với các bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích, đồng thời phòng ngừa chung đối với xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Q và Đ phạm tội “Cướp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự, đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên phong đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay hai bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, tại phiên tòa bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo nên hai bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Q là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo; Đối với bị cáo Đại có nhân thân xấu: Tại Bản án số 28/2018/HSST ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Nguyễn Quang Đ 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, hiện bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án.. Hai bị cáo phạm tội thuộc khung hình phạt rất nghiêm trọng, bị cáo Q là người có vai trò chính nhưng xét thấy bị cáo Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ có nhân thân xấu vì vậy, cần cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trở thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự : Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[5] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong là phù hợp với quy định của pháp luật; đối với người bào chữa cho bị cáo Q đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Q hưởng mức án thấp nhất cho bị cáo hưởng án treo và cho bị cáo Đ khung hình hình phạt thấp nhất là 36 tháng tù giam. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định pháp luật cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới giúp bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản có giá trị. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Trả lại hai bị cáo điện thoại đã thu giữ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; đối với bị cáo Q là người dân tộc, gia đình thuộc hộ nghèo nên miễn án phí cho bị cáo. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vi Văn Q và Nguyễn Quang Đ phạm tội **“Cướp tài sản”**.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 17, 38, 58 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, 136, 329, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. (Không áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 đối với Đại)

Xử phạt: Vi Văn Q 39 (Ba mươi chín) tháng tù, xử Nguyễn Quang Đ 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2022. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự : Tài sản đã thu hồi trả lại bị hại nên không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Trả lại cho Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, số IMEI1 867017155431940, số IMEI2 867017055671941 là điện thoại Q sử dụng; Trả lại cho Đại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, số IMEI1 861570034787796, số IMEI2 861570034787788 là điện thoại Đại sử dụng. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/10/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Phong và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong).

Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Q.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./. bị hại....

Nơi nhận:

- TAND,VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKS, CA,THADS huyện Yên phong;
- Bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hữu Hiến